

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VINH LONG CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TỈNH VINH LONG Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 37/2025/DS-ST
Ngày: 28-3-2025
“V/v tranh chấp Hợp đồng vay”
(giữa bà N và ông K)

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TP. VINH LONG, TỈNH VINH LONG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Loan

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Minh Hoàng;

2. Ông Nguyễn Tùng Châu.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Huỳnh Thị Kim Giang - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Vinh Long, tỉnh Vinh Long.

Trong các ngày 07, 12 và 28 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vinh Long, tỉnh Vinh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 451/2024/TLST - DS ngày 27 tháng 11 năm 2024 về tranh chấp Hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2025/QĐXX-DS ngày 20 tháng 01 năm 2025 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà **Võ Thị Thanh N**, sinh năm 1983; địa chỉ: Số 44/5B Khóm H, Phường B, thành phố V, tỉnh Vinh Long (có đơn xin xét xử vắng mặt)

Người đại diện hợp pháp: Chị Bùi Thị Thùy L, sinh năm 1996; địa chỉ: Số 67/31F đường P, Phường B, thành phố V, tỉnh Vinh Long - Là đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 15/11/2024) có đơn xin xét xử vắng mặt;

- **Bị đơn:** Ông **Nguyễn Lâm Quốc K**, sinh năm 1989; địa chỉ sinh sống: Số 01 L, Phường H (nay là Phường M), thành phố V, tỉnh Vinh Long (xác nhận của Công an Phường M, thành phố V ngày 24/12/2024); nơi làm việc: 1D -1E H, Phường M, thành phố V, tỉnh Vinh Long (xác nhận của Ngân hàng T ngày 19/3/2025); **đăng ký thường trú: số 100 tổ 6 ấp P, xã P, huyện L, tỉnh Vinh Long** (xác nhận của Công an xã P ngày 11/3/2025) vắng mặt ngày 07/3/2025, có mặt ngày 28/3/2025;

Người đại diện hợp pháp: Ông Nguyễn Thành L, sinh năm 1958; địa chỉ: ấp T, xã T, huyện L, tỉnh Vĩnh Long - Là đại diện theo ủy quyền của bị đơn (văn bản ủy quyền ngày 01/3/2025) có mặt ngày 07/3/2025, vắng mặt ngày 28/3/2025;

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Luật sư Huỳnh Phước T; là Luật sư của Văn phòng Luật sư K - Thuộc đoàn Luật sư tỉnh Vĩnh Long; địa chỉ: Số 65/15 Khóm H, Phường B, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long (xác nhận số: 04/2025/XN-TA, ngày 05/3/2025 của Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh Vĩnh Long) có mặt;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Trong đơn khởi kiện ngày 30/10/2024 và khởi kiện bổ sung ngày 26/12/2024 nguyên đơn Võ Thị Thanh N trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện hợp pháp chị Bùi Thị Thùy L trình bày:*

Do có mối quan hệ quen biết với ông Nguyễn Lâm Quốc K nên năm 2023 bà Nhung cho ông K vay số tiền 1.700.000.000đ, đến ngày 05/01/2024 ông Khương trả cho bà N 400.000.000đ và ngày 08/02/2024 ông K trả thêm 100.000.000đ, sau đó ông K xác nhận còn nợ 1.200.000.000đ, nhiều lần bà N yêu cầu ông K trả nợ nhưng đến nay Ông vẫn không trả tiền cho bà N. Tại đơn khởi kiện và khởi kiện bổ sung bà N yêu cầu ông K trả tiền gốc 1.200.000.000đ và tiền lãi chậm trả tính từ ngày 30/10/2024 đến ngày xét xử sơ thẩm, quá trình giải quyết các bên không hòa giải được với nhau.

Tại phiên tòa sơ thẩm: Đại diện nguyên đơn, chị L có đơn xin xét xử vắng mặt do bận công việc, giữ yêu cầu tiền gốc 1.200.000.000đ (số tiền này được chốt nợ đến ngày 08/02/2024); tiền lãi tính từ ngày khởi kiện 30/10/2024 đến ngày xét xử sơ thẩm với mức lãi 0,83%/tháng.

Để chứng minh cho yêu cầu của mình nguyên đơn đã nộp các tài liệu, chứng cứ kèm theo đơn khởi kiện gồm: Giấy trả tiền ngày 05/01/2024 và chốt số tiền nợ còn lại đến ngày 08/02/2024 (bản chính, **viết tay có chữ ký và viết họ tên Nguyễn Lâm Quốc K, mực màu xanh, giấy tập học sinh**) các thủ tục tố tụng cần thiết khác để đảm bảo thủ tục tố tụng giải quyết vụ án.

** Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn Nguyễn Lâm Quốc K vắng mặt:* Để giải quyết Tòa án đã tiến hành công khai chứng cứ và hòa giải theo đúng trình tự thủ tục tố tụng nhưng ông K **vẫn vắng mặt không lý do**, bằng đơn đề nghị xác nhận nơi sinh sống ngày 24/12/2024 của phía nguyên đơn cung cấp, Công an Phường M xác nhận ông K đang sinh sống tại số 01 L, Phường M,

thành phố V và nơi đang công tác tại số 01D-01E H, Phường M, thành phố V, cả hai địa chỉ này tổng đạt thủ tục tố tụng đều hợp lệ, ông K có nhận và biết được Tòa án đang thụ lý giải quyết vụ án, Ông gửi đơn xin vắng mặt hòa giải ghi ngày 23/12/2024 (hòa giải lần 1); Tòa án tiếp tục tổng đạt thông báo-triệu tập hòa giải lần 2 tiến hành ngày 14/01/2025, tổng đạt ở hai địa chỉ trên của ông K đều có người ký nhận hợp lệ nhưng Ông vẫn không đến để giải quyết. Ngoài ra, lần này Tòa án còn tổng đạt đến địa chỉ 100/6 **ấp P, xã P huyện L** nhưng bì thư bị trả lại không phát được, điện thoại số 0943149129 ông không nghe máy. Do đó, bị đơn không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ trong vụ án và cũng không tiến hành hòa giải được với nguyên đơn.

Ngày 20/01/2025 Tòa án ban hành quyết định đưa vụ án ra xét xử, ông K đã ủy quyền để ông T nộp thủ tục tham gia tố tụng vào ngày 17/02/2025 với tư cách là đại diện bị đơn, đồng thời ông T có đơn xin hoãn phiên tòa ngày 18/02/2025 do bận công việc đột xuất. Vì vậy, Hội đồng xét xử hoãn phiên tòa và vụ án được mở lại phiên tòa vào ngày 07/3/2025.

Ngày 03/3/2025 Tòa án nhận được đơn phản tố của ông K đề ngày 28/02/2025 gửi qua đường bưu điện, nội dung yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Buộc ông T, bà Nguyễn Thị N tiếp tục thực hiện HĐCNQSDĐ và nhà ở theo thỏa thuận đối với đất và nhà thuộc thửa số 71, tờ bản đồ số 3, diện tích 161,5m² tọa lạc xã L, huyện L, tỉnh Vĩnh Long để ông K được đứng tên quyền sử dụng;

- Công nhận HĐCNQSDĐ và nhà ở theo thỏa thuận miệng giữa ông K và bà Võ Thị Thanh N tại thửa số 71, tờ bản đồ số 3, diện tích 161,5m² tọa lạc xã L, huyện L, tỉnh Vĩnh Long. Buộc bà N trả cho ông K tiền mua nhà 1.400.000.000đ do bà N đã trả trước 500.000.000đ nên bà N có trách nhiệm tiếp tục trả cho ông K 900.000.000đ.

- Buộc ông H và bà T trả cho bà N số tiền 1.700.000.000đ.

Cùng ngày 03/3/2025 ông T nộp thủ tục chấm dứt đại diện ủy quyền của ông K và đồng thời nộp thủ tục luật sư để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông K, ngày 03/3/2025 ông Nguyễn Thành L nộp văn bản ủy quyền ngày 01/3/2025 để làm đại diện cho ông K trong vụ án.

Tại phiên tòa sơ thẩm ngày 07/3/2025 Ông L đại diện cho ông Khương không đồng ý yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cả về tiền gốc và tiền lãi, ông L thừa nhận giấy xác nhận nợ do ông K viết và tên ký, trong việc làm ăn với bà N

là để bảo lãnh chứ thực tế không nợ số tiền như vậy, đến thời điểm này phía ông K có trả thêm cho bà N nhưng cụ thể số tiền trả thêm bao nhiêu thì Ông không rõ. Tại phiên tòa ngày 28/3/2025 ông K thống nhất số tiền chốt nợ, yêu cầu xét nội dung phản tố để cản trừ lại nhằm đảm bảo quyền lợi cho Ông, Ông xác định sau khi chốt nợ 1.200.000.000đ đến nay không trả thêm phần tiền nào cho bà N; các tài liệu, chứng cứ xác minh về nơi cư trú Ông không có ý kiến gì.

** Ý kiến của luật sư Huỳnh Phước T, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn:*

Để đảm bảo quyền lợi cho ông K, tại phiên tòa hôm nay Tôi đề nghị Hội đồng xét xử xem xét nội dung yêu cầu phản tố, để làm căn cứ xét phản tố ông K nộp vì bằng nói rõ mối quan hệ trong công việc làm ăn dẫn đến số tiền nợ giữa ông K và bà N. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của ông K phát sinh từ giao dịch mua bán chuyển nhượng quyền sử dụng đất như đã trình bày tại đơn phản tố.

* Tại phiên tòa sơ thẩm ngày 07/3/2025 Luật sư nộp giấy xác nhận bán nhà (bản photo), tin nhắn in từ điện thoại (01 tờ);

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, đơn xin xét xử vắng mặt của phía nguyên đơn. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Tại phiên tòa sơ thẩm ngày 07/3/2025 Luật sư đề nghị hoãn phiên tòa để triệu tập phía nguyên đơn đối chất làm rõ số tiền nợ, trách nhiệm trả nợ; đề nghị chuyển vụ án đến Tòa án nhân dân huyện L để giải quyết theo thẩm quyền do ông K đăng ký thường trú tại xã P, huyện L, vì vậy Luật sư không phát biểu quan điểm về nội dung giải quyết vụ án. Qua xét hỏi, diễn biến tại phiên tòa Hội đồng xét xử thấy cần thiết phải thu thập chứng cứ để xác định đúng thẩm quyền, đến ngày 12/3/2025 do chứng cứ thu thập chưa đầy đủ nên Hội đồng xét xử quyết định tạm ngừng phiên tòa, tiếp tục thu thập chứng cứ nhằm đảm bảo quyền lợi cho các bên đương sự trong vụ án.

[1.2] Tại phiên tòa được mở lại ngày 28/3/2025, Hội đồng xét xử công bố các tài liệu, chứng cứ về nơi cư trú của ông K đã thu thập được trong thời gian tạm ngừng phiên tòa, làm căn cứ để xác định thẩm quyền, đồng thời giải quyết yêu cầu đối chất của Vị luật sư đã đề nghị.

[1.3] Về thẩm quyền: Khi xác nhận chốt nợ số tiền còn lại đến ngày 08/02/2024, tài liệu, chứng cứ này không thể hiện địa chỉ của ông K, khi khởi kiện nguyên đơn chứng minh địa chỉ bị đơn có sinh sống tại số 01 L và nơi làm việc tại số 1D -1E H việc tổng đạt đều hợp lệ, đối với địa chỉ **100 tổ 6 ấp P, xã P, huyện L có đăng ký thường trú nhưng không thường xuyên sinh sống tại địa phương**. Căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 3 Điều 36, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố V.

[1.4] Về quan hệ pháp luật: Bà N yêu cầu trả tiền gốc và tiền lãi, ông L đại diện bị đơn không đồng ý trả nợ, ông K yêu cầu cản trở vào số tiền theo nội dung phản tố. Xét chứng cứ trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của các đương sự, Hội đồng xét xử xác định vụ án tranh chấp Hợp đồng vay tài sản được quy định tại Điều 463 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

[1.5] Đối với yêu cầu triệu tập phía nguyên đơn đối chất: Theo tài liệu, chứng cứ của ông K cung cấp (do luật sư nộp tại phiên tòa) không tài liệu, chứng cứ nào đủ cơ sở pháp lý để chứng minh cho nội dung yêu cầu phản tố của ông K bị xâm phạm **quyền lợi** và không liên quan đến giấy chốt nợ, từ đó không có căn cứ ngừng phiên tòa nên đề nghị của luật sư mời phía nguyên đơn đối chất làm rõ giấy chốt nợ là không cần thiết; việc bà N từ chối đối chất không làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông K trong vụ án này. Trường hợp, ông K thấy quyền lợi của mình bị xâm phạm từ HĐCNQSĐĐ với chủ thể khác thì khởi kiện vụ án khác để đảm bảo quyền lợi cho mình.

[1.6] Nguyên đơn và người đại diện chi L đều xin vắng mặt tại phiên tòa theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 227, **Điều 228** của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vụ án vắng mặt phía nguyên đơn. Tại phiên tòa ngày 07/3/2025 có mặt ông L đại diện cho bị đơn, ngày 28/3/2025 vắng mặt ông L nhưng ông K có mặt dự phiên tòa nên Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[2] Xét thủ tục phản tố của bị đơn Nguyễn Lâm Quốc Kh: Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã tổng đạt thông báo thụ lý vụ án; các thông báo phiên họp và hòa giải đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự, quyết định xét xử đã ban hành, ngày 28/02/2025 thông qua bưu điện ông K gửi đơn phản tố và đơn phản tố sửa đổi, bổ sung ngày 05/3/2025. Căn cứ khoản 1 và 3 Điều 200 của Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử nhận thấy thời hạn xét yêu cầu phản tố của ông K đã hết, Tòa án mở phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ ngày 14/01/2025, căn cứ khoản 3 Điều 210 của Bộ luật Tố tụng dân sự

Tòa án thông báo kết quả phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ cho Ông theo quy định, do đó Hội đồng xét xử không có căn cứ để xem xét nội dung phản tố của Ông.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị Thanh N.

[3.1] Về tiền gốc: Bà N yêu cầu ông K trả 1.200.000.000đ, chứng cứ xác định yêu cầu là giấy trả nợ và chốt nợ còn lại đến ngày 08/02/2024 số tiền 1.200.000.000đ. Khi thực hiện thủ tục kiện nguyên đơn gửi hồ sơ kiện cho bị đơn ngày 15/11/2024, để giải quyết vụ án Tòa án thông báo cho bị đơn biết về yêu cầu khởi kiện, các thủ tục tố tụng được tổng đạt hợp lệ theo quy định tại Điều 177, Điều 179 của Bộ luật Tố tụng dân sự, ông K vắng mặt nhưng thời điểm tổng đạt thủ tục tố tụng Ông đều nhận được và có đơn xin hoãn phiên họp và hòa giải ngày 23/12/2024. Đại diện bị đơn ông L thừa nhận giấy xác nhận nợ do ông K viết và tên ký, cho rằng trong việc làm ăn với bà N là để bảo lãnh nhưng không đưa ra được tài liệu, chứng cứ nào có giá trị pháp lý để chứng minh cho việc bảo lãnh. Đối với việc ông L trình bày rằng, đến thời điểm này ông K có trả thêm tiền nợ cho bà N nhưng Ông không rõ bao nhiêu và không có tài liệu, chứng cứ chứng minh cho lời trình bày của mình là có căn cứ và hợp pháp nên Hội đồng xét xử không có cơ sở để trừ vào số tiền còn lại ông K đang nợ; tại phiên tòa ngày 28/3/2025 ông K xác định sau khi chốt nợ đến nay không có trả thêm tiền cho bà N. Do đó, căn cứ khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử công nhận tình tiết ông K nợ bà N là sự thật. Chứng cứ nguyên đơn đưa ra là giấy trả nợ và chốt nợ để xác định yêu cầu là có căn cứ và hợp pháp nên bà N yêu cầu anh K trả tiền gốc 1.200.000.000đ là có cơ sở chấp nhận, phù hợp Điều 466 của Bộ luật Dân sự.

[3.2] Về tiền lãi: Đại diện nguyên đơn, chị L yêu cầu tính mức lãi và thời gian nêu trên đến xét xử sơ thẩm. Hội đồng xét xử nhận thấy giấy chốt nợ đến ngày 08/02/2024, số tiền còn lại 1.200.000.000đ không có thời hạn, sau khi khởi kiện, bà N yêu cầu tính lãi từ ngày 30/10/2024 là đã đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự, áp dụng khoản 1 Điều 5 của Nghị quyết số: 01/2019/NQ-HĐTP ngày 01/11/2019 về lãi, lãi suất, bà N yêu cầu tính mức lãi 0,83%/tháng trên khoản tiền vay đến ngày xử sơ thẩm 28/3/2025 là có căn cứ chấp nhận, tiền lãi được tính như sau: Từ ngày 30/10/2024 đến ngày 28/3/2025) số tiền $1.200.000.000đ * 04\text{tháng} 28\text{ngày} * 0,83\%/tháng = 49.136.000đ$.

[4] Về án phí sơ thẩm: Bà N yêu cầu ông K trả gốc và lãi được Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ nên theo quy định tại khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết

số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 ông K phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch (với mức thu 36.000.000đ + 03% của phần giá trị tài sản có tranh chấp vượt 800.000.000đ) là 49.474.000đ, do yêu cầu phản tố của ông K không được chấp nhận nên Ông phải chịu án phí sơ thẩm không có giá ngạch là 300.000đ; bà N không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả cho Bà tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[5] Xét đề nghị của Luật sư Huỳnh Phước T tại phiên tòa là không có cơ sở chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các điều 351, 463, 466, 468, 469 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Áp dụng các điều 2, 5, 6, 13 của Nghị quyết số: 01/2019/NQ-HĐTP ngày 01/11/2019; Áp dụng khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1/ Về nội dung:

1.1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Võ Thị Thanh N;

Buộc ông Nguyễn Lâm Quốc K có nghĩa vụ trả cho bà N số tiền 1.249.136.000đ (trong đó: tiền gốc 1.200.000.000đ, tiền lãi 49.136.000đ)

1.2/ Không chấp nhận yêu cầu phản tố của ông Nguyễn Lâm Quốc K do đã hết thời hạn phản tố.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp Cơ quan Thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2/ Về án phí dân sự sơ thẩm:

2.1/ Buộc bị đơn Nguyễn Lâm Quốc K phải nộp án phí dân sự sơ thẩm 49.774.000đ (bốn mươi chín triệu, bảy trăm bảy mươi bốn ngàn đồng)

2.2/ Nguyên đơn Võ Thị Thanh N được nhận lại tạm ứng án phí sơ thẩm 24.000.000đ (hai mươi bốn triệu đồng) đã nộp theo biên lai thu tiền số N⁰ 0007448 ngày 19/11/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố V.

Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì Người được thi hành án dân sự, Người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ sau ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được Bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- THADS TPVL;
- VKSND TPVL;
- TAND tỉnh VL;
- Lưu Hồ sơ vụ án.

Nguyễn Thị Loan

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

1/

2/

